

Số: 1239/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
cho sinh viên đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LDTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-LDTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LDTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên chính quy ngày 23/6/2022 của Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho 976 sinh viên đại học hệ chính quy dự thi đợt tháng 4,5/2022, trong đó:

* Khoá 11 (2015-2019): 08 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 02 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 01 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 04 sinh viên.

* Khoá 12 (2016-2020): 68 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 07 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 14 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 11 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 17 sinh viên;

- + Ngành Quản trị nhân lực: 19 sinh viên.
- * Khoá 13 (2017-2021): 180 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 08 sinh viên;
 - + Ngành Công tác xã hội: 40 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 35 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 07 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 36 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 46 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 04 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 04 sinh viên.
- * Khoá 14 (2018-2022): 254 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 12 sinh viên;
 - + Công tác xã hội: 23 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 67 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 14 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 54 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 75 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 04 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 05 sinh viên.
- * Khoá 15 (2019-2023): 350 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 06 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 104 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 20 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 94 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 95 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 06 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 25 sinh viên.
- * Khoá 16 (2020-2024): 116 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 05 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 40 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 10 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 07 sinh viên;
 - + Ngành Tài chính: 08 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 46 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường phòng Kế toán - Tài chính, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG


TS. Hà Xuân Hùng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
ĐỢT THI THÁNG 4,5 NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 1222 /QĐ-ĐHLDXH ngày 27/06/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội*

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
I	ĐẠI HỌC KHÓA 11					
1	1111030031	Nguyễn Diệu Linh	20/10/1997	D11BH1	Bảo hiểm	405
2	1111040004	Nguyễn Thị Vân Anh	16/12/1997	D11CT1	Công tác xã hội	780
3	1111040373	Trịnh Hồng Nga	06/06/1997	D11CT5	Công tác xã hội	555
4	1111020261	Bùi Minh Hiền	30/12/1997	D11KT4	Kế toán	570
5	1111050054	Nguyễn Thị Sốt	27/02/1997	D11QK1	Quản trị kinh doanh	710
6	1111050093	Trần Hồng Dương	22/10/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	625
7	1111050147	Hồ Thị Thương Thương	14/10/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	715
8	1111050210	Nguyễn Thị Nhi	02/01/1996	D11QK3	Quản trị kinh doanh	565
II	ĐẠI HỌC KHÓA 12					
9	1112030057	Bùi Thị Phương	04/09/1998	D12BH01	Bảo hiểm	655
10	1112030067	Đỗ Duy Thắng	19/10/1998	D12BH01	Bảo hiểm	695
11	1112030124	Lê Thị Thương	26/03/1998	D12BH02	Bảo hiểm	653
12	1112030190	Nguyễn Thị Hua Hà	14/12/1998	D12BH03	Bảo hiểm	633
13	1112030224	Nguyễn Thuý Hằng	05/10/1998	D12BH03	Bảo hiểm	595
14	1112030174	Chu Thúy Diệu	03/03/1998	D12BH04	Bảo hiểm	625
15	1112030234	Lý Thu Uyên	14/07/1998	D12BH04	Bảo hiểm	780
16	1112040012	Vương Thị Diệu Thương	01/04/1998	D12CT01	Công tác xã hội	760
17	1112040034	Hoàng Dạ Thảo	07/12/1998	D12CT01	Công tác xã hội	595
18	1112040049	Nguyễn Thị Hiền	28/12/1998	D12CT01	Công tác xã hội	655
19	1112040061	Nguyễn Tiến Đạt	31/07/1998	D12CT01	Công tác xã hội	405
20	1112040101	Lê Thị Huyền Trang	05/12/1998	D12CT02	Công tác xã hội	775
21	1112040120	Thái Phương Linh	09/04/1998	D12CT02	Công tác xã hội	515
22	1112040176	Triều Thị Nguyệt	17/03/1997	D12CT03	Công tác xã hội	760
23	1112040221	Giảng Thị Chơ	06/08/1998	D12CT03	Công tác xã hội	450
24	1112040228	Nguyễn Thị Hợp	02/12/1997	D12CT04	Công tác xã hội	420

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
25	1112040241	Nguyễn Thị Bàn	26/07/1998	D12CT04	Công tác xã hội	755
26	1112040246	Trần Thị Trang	12/01/1998	D12CT04	Công tác xã hội	430
27	1112040262	Nguyễn Thị Hương	29/01/1998	D12CT04	Công tác xã hội	525
28	1112040265	Vương Đại Dương	07/01/1997	D12CT04	Công tác xã hội	505
29	1112020017	Trần Khánh Ly	21/12/1998	D12KT01	Kế toán	705
30	1112020027	Trần Thị Huyền Trang	21/01/1998	D12KT01	Kế toán	655
31	1112020343	Trần Thị Thảo Nguyễn	17/07/1998	D12KT05	Kế toán	475
32	1112020461	Nguyễn Thị Linh	17/07/1998	D12KT07	Kế toán	770
33	1112020473	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/10/1998	D12KT07	Kế toán	475
34	1112020541	Vũ Thị Ngọc Ánh	03/03/1998	D12KT08	Kế toán	480
35	1112020574	Nguyễn Thị Kim Anh	17/10/1998	D12KT08	Kế toán	535
36	1112020579	Dương Hương Thảo	24/10/1998	D12KT08	Kế toán	595
37	1112020591	Nguyễn Thị Phương Liên	07/03/1998	D12KT08	Kế toán	535
38	1112020617	Trần Thị Kim Anh	19/11/1998	D12KT09	Kế toán	725
39	1112020662	Đỗ Minh Thu	05/01/1997	D12KT09	Kế toán	475
40	1112050005	Nguyễn Lưu Hồng Bang	24/07/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	930
41	1112050012	Phạm Thị Huyền	23/08/1996	D12QK01	Quản trị kinh doanh	575
42	1112050026	Đinh Văn Thiệp	20/11/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	760
43	1112050057	Phạm Thị Thu Hoài	18/01/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	710
44	1112050072	Trịnh Thị Lan Phương	15/06/1997	D12QK01	Quản trị kinh doanh	510
45	1112050120	Ngô Thị Diễm Linh	10/01/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	655
46	1112050137	Nguyễn Văn Dũng	22/01/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	880
47	1112050154	Trần Thị Tú Anh	16/06/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	680
48	1112050175	Hà Thủy Linh	21/02/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	555
49	1112050201	Phạm Thị Thu Trà	12/06/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	750
50	1112050248	Hà Thị Thu Anh	25/08/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	655
51	1112050303	Hoàng Thị Nhân	03/06/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	705
52	1112050314	Nguyễn Thị Ngọc Lan	29/09/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	780
53	1112050347	Nguyễn Minh Hay	21/10/1997	D12QK05	Quản trị kinh doanh	545
54	1112050366	Trần Anh Tuấn	08/05/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	450
55	1112050378	Ngô Thị Hậu	08/12/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	705
56	1112010043	Phạm Quỳnh Anh	04/11/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	685
57	1112010107	Phạm Thị Hằng	13/05/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	450
58	1112010125	Đinh Thị Tuyết Nhung	19/10/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	645

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
59	1112010130	Nguyễn Thị Thảo My	04/09/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	753
60	1112010260	Nguyễn Hữu Nguyễn	21/02/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	395
61	1112010262	Ngô Đức Linh	31/08/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	510
62	1112010274	Trần Ngọc Hà	14/02/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	450
63	1112010296	Vũ Thị Thủy	04/03/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	505
64	1112010312	Phạm Thị Quỳnh Châu	25/06/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	420
65	1112010331	Lưu Thị Như Hoa	05/05/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	510
66	1112010345	Nguyễn Vũ Lâm	11/10/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	880
67	1112010491	Lê Thị Thủy	24/07/1997	D12QL07	Quản trị nhân lực	420
68	1112010563	Vũ Hải Yến	14/12/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	425
69	1112010575	Hoàng Ngọc Linh	24/07/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	600
70	1112010578	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	695
71	1112010507	Nguyễn Thị Thủy	11/11/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	725
72	1112010620	Đàm Trung Dũng	08/07/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	830
73	1112010646	Vũ Văn Hòa	03/06/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	540
74	1112010661	Đổng Thị Thảo	19/07/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	680
75	1112040387	Chu Thị Quyên	20/11/1997	D12STCT01	Công tác xã hội	450
76	1112050382	Trần Thị Khánh Ly	26/11/1998	D12STQX01	Quản trị kinh doanh	751

III ĐẠI HỌC KHÓA 13

77	1113030007	Trần Thủy Lan	06/07/1999	D13BH01	Bảo hiểm	810
78	1113030049	Nguyễn Kiều Trang	02/01/1999	D13BH01	Bảo hiểm	600
79	1113030092	Trần Thị Phương Thảo	04/08/1999	D13BH02	Bảo hiểm	480
80	1113030095	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/09/1999	D13BH02	Bảo hiểm	475
81	1113030096	Đoàn Linh Chi	05/01/1999	D13BH02	Bảo hiểm	790
82	1113030183	Đinh Diệu Ly	05/07/1999	D13BH03	Bảo hiểm	705
83	1113030192	Giảng Thị Hoa	15/05/1999	D13BH03	Bảo hiểm	425
84	1113030198	Nguyễn Tuấn Vượng	13/10/1999	D13BH03	Bảo hiểm	505
85	1113040003	Trần Đức Công	10/08/1999	D13CT01	Công tác xã hội	480
86	1113040004	Nguyễn Hải Tuyên	11/12/1999	D13CT01	Công tác xã hội	915
87	1113040007	Hoàng Thu Hà	12/11/1999	D13CT01	Công tác xã hội	475
88	1113040016	Vy Văn Mạnh	12/10/1999	D13CT01	Công tác xã hội	425
89	1113040052	Nguyễn Khắc Luận	04/05/1996	D13CT01	Công tác xã hội	450
90	1113040067	Hoàng Thị Thủy	21/10/1999	D13CT01	Công tác xã hội	710
91	1113040076	Nguyễn Văn Phương	14/07/1999	D13CT02	Công tác xã hội	695



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
92	1113040078	Phạm Thị Phương	23/02/1999	D13CT02	Công tác xã hội	670
93	1113040080	Lương Khánh Duy	10/09/1996	D13CT03	Công tác xã hội	515
94	1113040087	Dương Thị Linh	15/05/1999	D13CT02	Công tác xã hội	425
95	1113040090	Hoàng Quốc Hưng	02/11/1999	D13CT02	Công tác xã hội	425
96	1113040119	Đàm Thị Hải Hậu	10/12/1997	D13CT02	Công tác xã hội	800
97	1113040121	Lê Tú Hằng	09/09/1999	D13CT02	Công tác xã hội	570
98	1113040135	Bình Ngọc Minh	07/11/1998	D13CT02	Công tác xã hội	730
99	1113040137	Đoàn Thị Nhung	31/01/1999	D13CT02	Công tác xã hội	725
100	1113040151	Moong Văn Hiệp	30/01/1999	D13CT03	Công tác xã hội	635
101	1113040153	Giảng Thị Đà	08/02/1999	D13CT03	Công tác xã hội	570
102	1113040176	Nguyễn Ngọc Khánh	12/03/1999	D13CT03	Công tác xã hội	600
103	1113040188	Vương Thị Cung	12/12/1999	D13CT03	Công tác xã hội	480
104	1113040190	Đào Nhật Lệ	13/07/1999	D13CT03	Công tác xã hội	505
105	1113040215	Nguyễn Thu Hương	04/07/1999	D13CT03	Công tác xã hội	535
106	1113040216	Ngô Thị Loan	01/02/1999	D13CT03	Công tác xã hội	625
107	1113040237	Lê Thùy Linh	27/09/1999	D13CT04	Công tác xã hội	625
108	1113040262	Tổng Văn Mạnh	08/01/1998	D13CT04	Công tác xã hội	510
109	1113040274	Lê Ngọc Tú	05/12/1999	D13CT04	Công tác xã hội	605
110	1113040278	Trần Thị Hương	20/02/1999	D13CT04	Công tác xã hội	810
111	1113040288	Công Thị Phương Hà	23/08/1999	D13CT04	Công tác xã hội	420
112	1113040294	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	25/05/1999	D13CT04	Công tác xã hội	405
113	1113040005	Nông Quốc Tuấn	02/07/1999	D13CT05	Công tác xã hội	655
114	1113040023	Phạm Thị Hiền	15/02/1999	D13CT05	Công tác xã hội	680
115	1113040114	Đỗ Thu Thủy	16/05/1999	D13CT05	Công tác xã hội	675
116	1113040196	Nguyễn Thị Việt Trinh	20/12/1999	D13CT05	Công tác xã hội	760
117	1113040232	Lương Văn Đức	10/06/1999	D13CT05	Công tác xã hội	705
118	1113040255	Nguyễn Bá Dũng	24/05/1999	D13CT05	Công tác xã hội	680
119	1113040283	Nguyễn Trung Đức	27/03/1999	D13CT05	Công tác xã hội	495
120	1113040293	Tạ Tân Dũng	20/02/1999	D13CT05	Công tác xã hội	650
121	1113040305	Lê Huy Sơn	15/02/1998	D13CT05	Công tác xã hội	715
122	1113040308	Bùi Thị Hằng	06/01/1999	D13CT05	Công tác xã hội	585
123	1113060009	Phạm Thị Hồng	17/07/1999	D13KL01	Kinh tế	540
124	1113060025	Lâm Quang Đức	30/12/1999	D13KL01	Kinh tế	705
125	1113060029	Phạm Sơn Hải	02/06/1999	D13KL01	Kinh tế	475



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
126	1113020039	Nguyễn Văn Nam	30/09/1999	D13KL01	Kinh tế	600
127	1113020018	Hoàng Hải Anh Thư	06/12/1999	D13KT01	Kế toán	475
128	1113020019	Phạm Khánh Huyền	19/03/1999	D13KT01	Kế toán	740
129	1113020035	Đào Thị Kim Anh	07/07/1999	D13KT01	Kế toán	450
130	1113020059	Bùi Thị Kim Anh	21/10/1999	D13KT01	Kế toán	420
131	1113030143	Vũ Thị Khánh Huyền	24/09/1999	D13KT02	Kế toán	420
132	1113020157	Lê Quang Minh	13/06/1999	D13KT03	Kế toán	645
133	1113020160	Bùi Thùy Dương	26/11/1999	D13KT03	Kế toán	595
134	1113020181	Hoàng Ngọc Diệp	11/12/1999	D13KT03	Kế toán	820
135	1113020200	Nguyễn Thị Phương Anh	17/08/1999	D13KT03	Kế toán	480
136	1113020201	Nguyễn Thị Hoa	25/05/1999	D13KT03	Kế toán	600
137	1113020230	Vũ Thị Minh Hiếu	19/05/1999	D13KT04	Kế toán	525
138	1113020271	Ngô Công Thành	15/09/1999	D13KT04	Kế toán	450
139	1113020366	Nguyễn Thu Thủy	17/08/1999	D13KT05	Kế toán	475
140	1113020311	Nguyễn Thị Thuý Trang	01/12/1999	D13KT05	Kế toán	475
141	1113020351	Nguyễn Thị Nhung	18/04/1999	D13KT05	Kế toán	525
142	1113020373	Luyện Thị Mai	15/01/1999	D13KT05	Kế toán	620
143	1113020383	Nguyễn Bá Hoàng	21/04/1999	D13KT06	Kế toán	680
144	1113020387	Nguyễn Thị Nhung	20/11/1999	D13KT06	Kế toán	655
145	1113020400	Nguyễn Khánh Linh	14/09/1999	D13KT06	Kế toán	480
146	1113020413	Nguyễn Phương Thảo	20/02/1999	D13KT06	Kế toán	540
147	1113020460	Tạ Hà Linh	18/05/1999	D13KT07	Kế toán	680
148	1113020485	Nguyễn Thị Quyên	04/02/1999	D13KT07	Kế toán	405
149	1113020499	Trần Thị Hồng Hạnh	15/12/1999	D13KT07	Kế toán	680
150	1113020528	Phạm Linh Phương	10/08/1999	D13KT08	Kế toán	505
151	1113020554	Trần Thị Khánh Linh	24/08/1999	D13KT08	Kế toán	685
152	1113020576	Đặng Thị Kiều Loan	17/05/1999	D13KT08	Kế toán	535
153	1113020604	Phan Thị Thu Thảo	26/06/1999	D13KT09	Kế toán	635
154	1113020608	Nguyễn Minh Thủy	21/09/1999	D13KT09	Kế toán	855
155	1113020650	Nông Thị Thủy	04/07/1999	D13KT09	Kế toán	710
156	1113020166	Hoa Ngọc Lan	28/09/1999	D13KT10	Kế toán	645
157	1113020444	Lê Phương Thảo	13/08/1999	D13KT10	Kế toán	600
158	1113020477	Lê Thị Mỹ	09/07/1999	D13KT10	Kế toán	595
159	1113080006	Lương Minh Thành	02/04/1999	D13LK01	Luật kinh tế	655



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TONIC
160	1113000016	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	16/04/1999	D13LK01	Luật kinh tế	555
161	1113000036	Nguyễn Việt Hưng	28/11/1999	D13LK01	Luật kinh tế	585
162	1113000038	Trần Hữu Minh	29/10/1999	D13LK01	Luật kinh tế	425
163	1113000054	Dương Thị Thu Hằng	06/10/1999	D13LK02	Luật kinh tế	710
164	1113000055	Chu Hồng Cường	15/12/1999	D13LK02	Luật kinh tế	700
165	1113000095	Lê Ngọc Đức	21/09/1999	D13LK02	Luật kinh tế	710
166	1113050011	Vũ Ngọc Hà	22/04/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	480
167	1113050043	Nguyễn Vương Mỹ	25/08/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	585
168	1113050057	Nguyễn Linh Phương	26/05/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	625
169	1113050061	Nguyễn Hoàng Minh	08/06/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	480
170	1113050071	Nguyễn Thị Thu Trang	06/05/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	755
171	1113050072	Lê Thị Thủy	26/04/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	805
172	1113050081	Vũ Mạnh Duy	14/01/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	645
173	1113050085	Nguyễn Đức Anh	03/05/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	715
174	1113050092	Nguyễn Hưng Giang	23/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	505
175	1113050105	Lê Thị Kiều Trang	04/08/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	450
176	1113050116	Nguyễn Thị Trang	24/11/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	595
177	1113050134	Trần Thu Trang	17/02/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	915
178	1113050144	Nguyễn Thị Trang Nhung	13/06/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	455
179	1113050146	Phan Thị Minh Anh	11/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	655
180	1113050147	Vũ Thị Thu Thảo	10/12/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	635
181	1113050131	Hoàng Thị Hằng	27/02/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	515
182	1113050155	Nguyễn Thị Hằng	10/07/1998	D13QK03	Quản trị kinh doanh	525
183	1113050156	Vũ Chi Linh	07/09/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	685
184	1113050157	Phan Thị Bảo Ngọc	20/02/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	535
185	1113050189	Nguyễn Thị Hải Yến	31/08/1998	D13QK03	Quản trị kinh doanh	740
186	1113050196	Nguyễn Thị Lan	25/08/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	515
187	1113050222	Dương Thị Khánh Linh	28/11/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	705
188	1113050238	Công Ngọc Anh	26/06/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	710
189	1113050243	Nguyễn Thị Thủy	22/10/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	475
190	1113050262	Vũ Thị Mai Hương	05/04/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	715
191	1113050286	Đinh Thị Tuyết Hằng	03/12/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	525
192	1113050302	Vũ Tiến Trung	01/02/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	475
193	1113050331	Trần Hoàng Sơn	10/01/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	540

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
194	1113050133	Nguyễn Chí Mai	11/12/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	535
195	1113050345	Nguyễn Thị Mai An	06/08/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	730
196	1113050106	Lê Thị Liên	15/08/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	475
197	1113050177	Nguyễn Thị Thủy	26/04/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	635
198	1113050194	Lê Thị Huyền Trang	01/01/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	725
199	1113050381	Nguyễn Anh Tuấn	30/04/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	715
200	1113050386	Nguyễn Linh Trang	03/02/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	680
201	1113050406	Nguyễn Thu Trang	10/11/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	480
202	1113010002	Nguyễn Thị Thu Thảo	17/10/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	760
203	1113010010	Nguyễn Thị Hương	25/10/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	600
204	1113010014	Hà Thị Thu Thảo	02/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	505
205	1113010015	Nguyễn Thị Thủy	13/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	420
206	1113010018	Nguyễn Thị Thu Trang	20/11/1998	D13QL01	Quản trị nhân lực	580
207	1113010020	Hà Thị Thu Trang	17/10/1998	D13QL01	Quản trị nhân lực	475
208	1113010039	Phạm Thanh Thủy	16/12/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	570
209	1113010040	Nguyễn Hoài Tô	05/02/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	695
210	1113010044	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	02/12/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	515
211	1113010047	Đoàn Văn Anh	07/12/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	645
212	1113010048	Trần Huyền Trang	17/09/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	420
213	1113010052	Đào Thuý Nga	21/03/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	600
214	1113010058	Đỗ Thị Thủy	01/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	655
215	1113010092	Phạm Thị Nhân	03/07/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	585
216	1113010104	Nguyễn Đăng Sơn	26/03/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	635
217	1113010122	Nguyễn Kim Hoàng Mai	25/03/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	595
218	1113010131	Trần Thị Ngọc Ánh	14/12/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	760
219	1113010135	Phạm Thị Thuý	04/03/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	600
220	1113010183	Nguyễn Thị Tú Hào	11/07/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	755
221	1113010202	Nguyễn Thị Thái Hà	23/12/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	475
222	1113010275	Nguyễn Khánh Linh	27/12/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	475
223	1113010279	Lê Văn Tuyển	27/03/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	540
224	1113010283	Nguyễn Thị Thủy Trang	25/11/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	695
225	1113010285	Nguyễn Thị Hằng	20/08/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	625
226	1113010295	Nguyễn Thanh Tùng	13/10/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	605
227	1113010297	Vũ Thị Dung	19/07/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	705

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
228	1113010338	Phan Lan Nhi	05/03/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	455
229	1113010395	Phan Thu Hiền	17/03/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	770
230	1113010397	Nguyễn Ngọc Anh	20/05/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	515
231	1113010399	Nguyễn Ánh Tuyết	25/05/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	445
232	1113010410	Trương Tuấn Nhật	08/11/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	695
233	1113010423	Bông Thị Lan Anh	25/12/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	800
234	1113010432	Lương Phương Trinh	19/07/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	705
235	1113010468	Nguyễn Kiên Cường	28/06/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	475
236	1113010478	Lê Thị Hằng Hà	01/12/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	555
237	1113010497	Nguyễn Thị Hương	06/02/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	725
238	1113010519	Ngô Thị Hồng Châm	25/08/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	755
239	1113010536	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/12/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	420
240	1113010563	Hương Minh Tả	04/07/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	680
241	1113010576	Nguyễn Duy Linh	28/08/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	810
242	1113010605	Trần Văn Dũng	10/08/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	405
243	1113010158	Lê Minh Thảo	31/03/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	570
244	1113010176	Lê Thị Ngọc Oanh	18/08/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	450
245	1113010181	Lộc Thị Thiệt	26/09/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	650
246	1113010265	Nguyễn Thị Huệ	30/01/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	475
247	1113010417	Vũ Thị Thùy Quỳnh	17/06/1998	D13QL09	Quản trị nhân lực	505
248	1113040318	Nguyễn Phan Hà	03/07/1998	D13STCT01	Công tác xã hội	780
249	1113040330	Chu Thị Thanh Nga	10/08/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	600
250	1113020710	Trần Đức Huy	31/10/1999	D13STKT01	Kế toán	790
251	1113020712	Lê Thị Bích Lan	19/03/1999	D13STKT01	Kế toán	475
252	1113020715	Trần Thị Quỳnh	28/11/1999	D13STKT01	Kế toán	715
253	1113070083	Phùng Thị Giang	10/09/1999	D13TL01	Tâm lý học	455
254	1113070009	Ngô Thị Thuà	20/08/1999	D13TL01	Tâm lý học	420
255	1113070058	Đào Thùy Phương	24/03/1999	D13TL01	Tâm lý học	595
256	1113070064	Đỗ Thị Sinh	16/07/1999	D13TL01	Tâm lý học	620
IV BÀI HỌC KHÓA 14						
257	1114030012	Lê Thị Thương	20/06/2000	D14BH01	Bảo hiểm	715
258	1114030016	Lê Xuân Quyết	30/05/2000	D14BH01	Bảo hiểm	595
259	1114030033	Vũ Minh Hiên	15/03/2000	D14BH01	Bảo hiểm	595
260	1114030046	Bùi Thu Vân	03/04/2000	D14BH01	Bảo hiểm	450

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
261	1114030048	Ngô Thị Huyền	19/10/2000	D14BH01	Bảo hiểm	645
262	1114030055	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2000	D14BH01	Bảo hiểm	530
263	1114030062	Nguyễn Thị Huệ	30/09/2000	D14BH01	Bảo hiểm	585
264	1114030015	Đoàn Văn Mạnh	09/12/2000	D14BH02	Bảo hiểm	450
265	1114030026	Giang Lương Nghĩa	06/12/2000	D14BH02	Bảo hiểm	480
266	1114030085	Nguyễn Thị Thu Hoài	02/12/2000	D14BH02	Bảo hiểm	575
267	1114030105	Lục Thị Vân Ngọc	16/01/2000	D14BH02	Bảo hiểm	480
268	1114030100	Lương Thị Thu Quyên	16/11/2000	D14BH02	Bảo hiểm	580
269	1114040015	Đàm Quang Minh	05/11/2000	D14CT01	Công tác xã hội	645
270	1114040020	Đỗ Thị Bình Thư	18/10/2000	D14CT01	Công tác xã hội	755
271	1114040030	Lê Anh Đức	13/03/2000	D14CT01	Công tác xã hội	600
272	1114040032	Phạm Ngọc Minh	26/07/2000	D14CT01	Công tác xã hội	710
273	1114040034	Nguyễn Thị Hải	24/02/2000	D14CT01	Công tác xã hội	425
274	1114040051	Năng Thị Diệu	19/08/2000	D14CT01	Công tác xã hội	475
275	1114040055	Nguyễn Diệu Linh	09/07/2000	D14CT01	Công tác xã hội	450
276	1114040057	Trần Khánh Linh	02/09/2000	D14CT01	Công tác xã hội	570
277	1114040066	Đàm Trung Thành	26/01/2000	D14CT01	Công tác xã hội	570
278	1114040067	Lê Phương Anh	14/07/2000	D14CT01	Công tác xã hội	760
279	1114040070	Vũ Hoàng Hữu Anh	17/12/2000	D14CT01	Công tác xã hội	400
280	1114040090	Nguyễn Thủy Trang	10/12/2000	D14CT02	Công tác xã hội	675
281	1114040095	Dương Thảo Phương	23/08/2000	D14CT02	Công tác xã hội	620
282	1114040097	Huang Bích Ngọc	14/04/2000	D14CT02	Công tác xã hội	500
283	1114040099	Nguyễn Như Mai	16/11/2000	D14CT02	Công tác xã hội	595
284	1114040101	Lục Lê Vinh	20/02/1999	D14CT02	Công tác xã hội	655
285	1114040127	Đàm Hồng Nhung	24/03/2000	D14CT02	Công tác xã hội	450
286	1114040129	Đào Minh Ngọc	16/09/2000	D14CT02	Công tác xã hội	800
287	1114040021	Nguyễn Đình Khánh	02/09/2000	D14CT03	Công tác xã hội	635
288	1114040058	Hà Xuân Lương	30/07/2000	D14CT03	Công tác xã hội	475
289	1114040068	Lê Thị Tiên	07/11/2000	D14CT03	Công tác xã hội	510
290	1114040084	Giáp Hà Linh	24/10/2000	D14CT03	Công tác xã hội	420
291	1114040098	Trần Thị Phương Lan	18/10/2000	D14CT03	Công tác xã hội	655
292	1114060011	Lục Thị Linh	05/01/2000	D14KL01	Kinh tế	695
293	1114060060	Đinh Đức Long	05/09/2000	D14KL01	Kinh tế	770
294	1114060045	Châu Bạch Tung	21/11/2000	D14KL02	Kinh tế	535



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
295	1114060077	Nguyễn Hoàng Trà	18/12/2000	D14KL02	Kinh tế	710
296	1114060093	Vũ Thị Hằng Mơ	17/08/2000	D14KL02	Kinh tế	655
297	1114020034	Lê Hoàng Phương Anh	31/07/2000	D14KT01	Kế toán	705
298	1114020043	Nguyễn Thị Hào	10/07/2000	D14KT01	Kế toán	475
299	1114020049	Lương Thu Thảo	26/05/2000	D14KT01	Kế toán	540
300	1114020052	Nguyễn Thị Ánh Dương	29/09/2000	D14KT01	Kế toán	625
301	1114020057	Đặng Mỹ Linh	06/08/2000	D14KT01	Kế toán	425
302	1114020106	Nguyễn Thị Thủy	05/07/2000	D14KT02	Kế toán	680
303	1114020110	Trần Thu Trang	20/04/2000	D14KT02	Kế toán	705
304	1114020114	Lê Phương Thảo	07/11/2000	D14KT02	Kế toán	535
305	1114020141	Nguyễn Thu Huyền	11/11/2000	D14KT03	Kế toán	480
306	1114020154	Nguyễn Thị Cẩm Ly	10/06/2000	D14KT03	Kế toán	820
307	1114020155	Nguyễn Thị Thủy Linh	09/09/2000	D14KT03	Kế toán	620
308	1114020158	Nguyễn Thu Thảo	25/05/2000	D14KT03	Kế toán	405
309	1114020168	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01/10/2000	D14KT03	Kế toán	855
310	1114020187	Trần Linh Chi	21/11/2000	D14KT03	Kế toán	420
311	1114020197	Đặng Ngọc Thảo	09/12/2000	D14KT03	Kế toán	705
312	1114020206	Trần Ngọc Hạnh	25/10/2000	D14KT03	Kế toán	870
313	1114020239	Hà Thị Sinh	13/11/2000	D14KT03	Kế toán	855
314	1114020301	Nguyễn Thị Thu	20/03/2000	D14KT03	Kế toán	425
315	1114020236	Nguyễn Thị Vân	04/02/2000	D14KT04	Kế toán	420
316	1114020263	Đỗ Thị Tâm	25/07/2000	D14KT04	Kế toán	790
317	1114020265	Nguyễn Thị Thu Hà	11/11/2000	D14KT04	Kế toán	760
318	1114020272	Trần Thị Thủy	16/01/2000	D14KT04	Kế toán	450
319	1114020275	Lê Thị Quỳnh	20/11/2000	D14KT04	Kế toán	455
320	1114020278	Trần Thu Hà	08/08/1999	D14KT05	Kế toán	755
321	1114020280	Tạ Thúy Linh	22/12/2000	D14KT05	Kế toán	480
322	1114020281	Nguyễn Thị Thu Hương	15/11/2000	D14KT05	Kế toán	760
323	1114020289	Trần Phương Thanh	23/03/2000	D14KT05	Kế toán	740
324	1114020293	Trần Thị Ngọc Ánh	12/04/2000	D14KT05	Kế toán	705
325	1114020305	Nguyễn Ngọc Huyền	29/01/2000	D14KT05	Kế toán	420
326	1114020306	Trương Thị Xen	05/01/2000	D14KT05	Kế toán	770
327	1114020308	Đào Văn Hà	24/05/2000	D14KT05	Kế toán	760
328	1114020317	Nguyễn Thu Hiền	19/04/2000	D14KT05	Kế toán	675

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
329	1114020322	Nguyễn Thị Thu Hà	08/01/2000	D14KT05	Kế toán	735
330	1114020323	Phạm Thị Duyên	15/02/2000	D14KT05	Kế toán	740
331	1114020356	Nguyễn Thị Thu Thảo	29/05/2000	D14KT06	Kế toán	740
332	1114020366	Mai Thị Thu	26/02/2000	D14KT06	Kế toán	655
333	1114020379	Nguyễn Thành Long	20/03/2000	D14KT06	Kế toán	540
334	1114020389	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/05/2000	D14KT06	Kế toán	565
335	1114020392	Phạm Thị Thanh Huế	28/11/2000	D14KT06	Kế toán	430
336	1114020411	Chu Thị Thủy Vi	24/04/2000	D14KT06	Kế toán	705
337	1114020435	Đặng Thị Thủy	31/10/2000	D14KT07	Kế toán	480
338	1114020454	Đinh Thị Lệ Quyên	12/11/2000	D14KT07	Kế toán	585
339	1114020467	Nguyễn Ngọc Bích	10/02/2000	D14KT07	Kế toán	585
340	1114020470	Nguyễn Thị Thu Hồng	27/03/2000	D14KT07	Kế toán	540
341	1114020499	Lê Thị Lan Anh	06/11/2000	D14KT08	Kế toán	600
342	1114020522	Chu Văn Tiến	04/02/2000	D14KT08	Kế toán	515
343	1114020523	Vi Hồng Ngọc	15/03/1999	D14KT08	Kế toán	675
344	1114020529	Nguyễn Thị Thu Trang	03/07/2000	D14KT08	Kế toán	840
345	1114020546	Lại Thị Hạnh	09/11/2000	D14KT08	Kế toán	625
346	1114020558	Nguyễn Hà Anh Duy	23/09/2000	D14KT08	Kế toán	870
347	1114020568	Nguyễn Mai Trang	18/09/2000	D14KT09	Kế toán	810
348	1114020570	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	04/02/2000	D14KT09	Kế toán	695
349	1114020599	Nguyễn Thị Thu Liên	21/09/2000	D14KT09	Kế toán	525
350	1114020608	Đào Thị Thu Phương	26/04/2000	D14KT09	Kế toán	405
351	1114020613	Đỗ Thu Trang	26/06/2000	D14KT09	Kế toán	480
352	1114020617	Nguyễn Thị Yên	02/03/2000	D14KT09	Kế toán	855
353	1114020628	Nguyễn Thị Phương Ngọc	26/06/2000	D14KT09	Kế toán	585
354	1114020629	Nguyễn Thị Hòa	21/09/2000	D14KT09	Kế toán	770
355	1114020633	Vũ Thành Nam	30/11/2000	D14KT10	Kế toán	430
356	1114020647	Nguyễn Thị Thu Trang	06/10/2000	D14KT10	Kế toán	480
357	1114020649	Nguyễn Lan Quỳnh	04/11/2000	D14KT10	Kế toán	425
358	1114020653	Trần Khánh Linh	26/02/2000	D14KT10	Kế toán	595
359	1114020656	Phạm Thu Thảo	10/02/2000	D14KT10	Kế toán	480
360	1114020673	Hà Thị Thanh Thảo	08/11/2000	D14KT10	Kế toán	505
361	1114020676	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	11/08/2000	D14KT10	Kế toán	425
362	1114020683	Nguyễn Thị Lan Vy	21/07/2000	D14KT10	Kế toán	685

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
363	1114020703	Lê Như Quỳnh	28/02/2000	D14KT10	Kế toán	500
364	1114080088	Nguyễn Thị Anh Thơ	03/02/2000	D14LK01	Luật kinh tế	915
365	1114080010	Huỳnh Duy Hưng	13/10/2000	D14LK01	Luật kinh tế	570
366	1114080014	Đoàn Trung Đông	22/12/1999	D14LK01	Luật kinh tế	645
367	1114080024	Nguyễn Thị Thu Nga	22/08/2000	D14LK01	Luật kinh tế	770
368	1114080039	Hoàng Thị Ngọc Khánh	13/04/2000	D14LK01	Luật kinh tế	680
369	1114080041	Nguyễn Bá Long	11/01/2000	D14LK01	Luật kinh tế	550
370	1114080062	Nguyễn Thị Phương Anh	01/01/2000	D14LK01	Luật kinh tế	540
371	1114080004	Dương Ngọc Oanh	04/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	435
372	1114080080	Nguyễn Thị Nhật Anh	22/02/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480
373	1114080104	Nguyễn Việt Long	26/07/2000	D14LK02	Luật kinh tế	540
374	1114080129	Lê Thị Minh Trang	29/05/2000	D14LK02	Luật kinh tế	840
375	1114080172	Phan Thị Thu Trang	18/04/2000	D14LK03	Luật kinh tế	525
376	1114080210	Phạm Thị Thu Hương	06/03/2000	D14LK03	Luật kinh tế	450
377	1114080216	Phạm Ngô Thanh Hằng	04/11/2000	D14LK03	Luật kinh tế	565
378	1114050080	Nguyễn Thị Nhung	18/06/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	710
379	1114050096	Trần Thị Ngọc Ánh	10/09/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	780
380	1114050105	Nguyễn Việt Hoàng	21/10/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	525
381	1114050117	Nguyễn Thị Trúc Diệp	13/03/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	585
382	1114050132	Bùi Thị Hồng Anh	17/05/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	655
383	1114050109	Đỗ Tuấn Anh	20/03/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	600
384	1114050148	Đào Thị Ánh Tuyết	10/09/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	680
385	1114050152	Nguyễn Thị Hoài	22/10/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	845
386	1114050155	Lưu Ly	04/11/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	655
387	1114050156	Quách Mạnh Hà	05/09/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	620
388	1114050182	Nguyễn Thị Hương	26/10/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	790
389	1114050212	Đỗ Hải Yến	16/06/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	635
390	1114050216	Nguyễn Huyền Trang	05/09/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	710
391	1114050221	Lưu Thị Phương Thảo	18/05/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	590
392	1114050234	Đỗ Thị Quỳnh	20/04/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	480
393	1114050241	Nguyễn Phương Linh	07/11/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	540
394	1114050258	Trần Thị Tố Quyên	07/04/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	480
395	1114050268	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12/12/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	535
396	1114050281	Hoàng Hà Mỹ	05/07/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	480

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
397	1114050282	Trần Thị Ly	08/02/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	540
398	1114050292	Nguyễn Thu Hằng	07/08/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	475
399	1114050294	Nguyễn Long Vũ	30/10/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	745
400	1114050300	Trương Thị Thu Hoài	04/05/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	850
401	1114050301	Phạm Thế Hiền	16/01/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	600
402	1114050309	Lê Huyền Trang	23/10/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	535
403	1114050311	Chu Thị Thanh Thủy	25/11/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	930
404	1114050313	Nguyễn Khánh Ly	24/10/1999	D14QK05	Quản trị kinh doanh	480
405	1114050315	Nguyễn Thị Minh Châu	14/01/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	635
406	1114050326	Đặng Thị Thu Gấm	05/07/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	635
407	1114050335	Ngô Thị Khánh Huyền	28/01/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	475
408	1114050336	Chu Hoàng Ngân	01/03/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	535
409	1114050349	Trần Thị Thu Hiền	23/11/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	820
410	1114050363	Vũ Bùi Khánh Linh	24/11/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	600
411	1114050371	Nguyễn Hoài Anh	29/06/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	820
412	1114050379	Hoàng Văn Tuấn	04/07/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	480
413	1114050395	Nguyễn Công Chính	30/04/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	450
414	1114050396	Cao Bắc Minh	09/02/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	595
415	1114050399	Nguyễn Thị Thùy Dương	00/06/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	480
416	1114050042	Bùi Thị Thu Thủy	27/07/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	625
417	1114050217	Ngô Thị Thương	27/06/1999	D14QK07	Quản trị kinh doanh	780
418	1114050231	Phan Thị Huyền Thương	14/04/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	675
419	1114050329	Nguyễn Ngọc Diệp	06/06/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	740
420	1114050382	Phùng Ngọc Diệp	07/08/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	975
421	1114050447	Lê Thị Hồng Luyện	29/12/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	605
422	1114050497	Phạm Minh Nguyệt	16/07/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	845
423	1114050437	Bùi Thị Diễm Quỳnh	10/04/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	645
424	1114050443	Hoàng Thị Hồng	01/01/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	455
425	1114050463	Hà Thị Thanh Huyền	04/11/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	830
426	1114050464	Nguyễn Thu Hồng	20/11/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	540
427	1114050473	Phạm Ngọc Huỳnh	22/10/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	450
428	1114050477	Nguyễn Duy Linh	05/01/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	825
429	1114050481	Nguyễn Thị Diệu Linh	03/02/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	645
430	1114050486	Phùng Thị Trang	06/09/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	730



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
431	1114050491	Lê Thị Lan Anh	15/04/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	755
432	1114010007	Đặng Việt Hà	19/12/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	570
433	1114010008	Trần Linh Chi	26/10/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	800
434	1114010013	Hà Thị Hiền	06/10/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	840
435	1114010049	Nguyễn Thị Huyền	25/03/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	820
436	1114010051	Tạ Thị Thanh Nhân	10/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	760
437	1114010052	Huỳnh Nguyễn Lan Anh	01/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	820
438	1114010055	Phạm Hồng Nhung	25/09/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	770
439	1114010067	Nguyễn Thủy Hiền	08/09/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	855
440	1114010070	Lê Thành Long	17/05/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	530
441	1114010080	Bình Thị Thủy Linh	11/11/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	600
442	1114010096	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	14/04/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	555
443	1114010098	Đàm Hồng Nhung	08/12/1999	D14QL02	Quản trị nhân lực	675
444	1114010122	Nguyễn Thị Hậu	15/08/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	450
445	1114010126	Nguyễn Thị Loan	01/06/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	420
446	1114010127	Phạm Tuấn Linh	08/10/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	565
447	1114010143	Tổng Việt Hoàng	25/01/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	800
448	1114010145	Hồ Thị Lanh	13/04/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	480
449	1114010151	Nguyễn Thị Hồng Thắm	24/11/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	420
450	1114010177	Nguyễn Thị Hiền	09/07/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	450
451	1114010197	Trương Thị Phúc	08/09/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	710
452	1114010202	Vũ Thị Thanh Nga	13/01/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	800
453	1114010215	Nguyễn Thu Thủy	17/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	710
454	1114010231	Nguyễn Thủy Linh	23/03/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	430
455	1114010240	Lê Bảo Hân	21/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	540
456	1114010253	Nguyễn Thị Thu Hòa	02/06/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	420
457	1114010257	Bình Thị Thủy Dung	19/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	675
458	1114010260	Nguyễn Thị Hoài Thu	11/02/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	595
459	1114010272	Trần Thị Hằng	20/05/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	595
460	1114010278	Bà Thị Thu Dung	23/11/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	585
461	1114010291	Lưu Thị Bích Thảo	03/01/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	565
462	1114010303	Ngô Thu Thủy	17/08/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	710
463	1114010337	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/04/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	880
464	1114010356	Nguyễn Ngọc Mai	29/01/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	515

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
465	1114010358	Lỗ Thị Lan Anh	19/02/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	645
466	1114010359	Nguyễn Thu Trang	06/06/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	515
467	1114010367	Phạm Thị Hồng Ngát	12/01/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	655
468	1114010373	Nguyễn Khánh Huyền	27/11/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	655
469	1114010393	Nguyễn Thuý Lan	19/09/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	475
470	1114010404	Nguyễn Thị Nga	12/10/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	770
471	1114010408	Hoàng Minh Huyền	04/07/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	585
472	1114010411	Đặng Thị Mai Hoa	25/09/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	405
473	1114010422	Nguyễn Thu Hiền	13/05/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	655
474	1114010431	Đoàn Trung Tấn	13/12/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	540
475	1114010443	Đỗ Thị Huyền	05/08/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	660
476	1114010448	Thạch Ngọc Anh	09/11/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	420
477	1114010450	Phạm Thị Vân Anh	07/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	705
478	1114010456	Trần Minh Hiếu	15/09/1999	D14QL07	Quản trị nhân lực	670
479	1114010482	Đào Mạnh Khôi	22/06/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	535
480	1114010484	Đỗ Thu Hương	26/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	625
481	1114010488	Công Thị Phương Yến	21/10/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	760
482	1114010496	Đào Thị Hải Trang	03/02/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	645
483	1114010505	Mông Phương Dung	12/10/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	800
484	1114010514	Hà Thị Xuyên	03/03/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	655
485	1114010519	Nguyễn Minh Pô	22/03/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	505
486	1114010523	Nguyễn Thị Thu Phương	01/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	475
487	1114010563	Nguyễn Ngọc Ánh	21/09/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	740
488	1114010564	Nguyễn Anh Tú	31/01/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	455
489	1114010568	Nguyễn Thị Nga	01/06/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	790
490	1114010572	Nguyễn Thị Diên	06/06/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	760
491	1114010581	Nguyễn Hải Anh	07/11/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	570
492	1114010586	Nguyễn Thị Tươi	27/04/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	605
493	1114010589	Nguyễn Thị Thu Hương	15/10/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	540
494	1114010593	Phạm Ngọc Quỳnh	24/05/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	460
495	1114010594	Khổng Thị Ánh Chinh	11/06/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	480
496	1114010596	Đàm Thủy Linh	02/05/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	540
497	1114010603	Lê Thị Diệp Anh	20/09/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	540
498	1114010609	Phan Thị Thủy Linh	09/01/1999	D14QL09	Quản trị nhân lực	595

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
499	1114010615	Lâm Tường Vân	23/08/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	450
500	1114010620	Nguyễn Như Quỳnh	21/05/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	415
501	1114010641	Đặng Thị Huyền Trang	07/09/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	570
502	1114010649	Nguyễn Thị Huyền	07/12/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	975
503	1114010664	Nguyễn Thái Hà	20/01/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	705
504	1114010676	Tô Hoài Ngân	30/12/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	700
505	1114010682	Vũ Thu Uyên	24/06/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	710
506	1114010692	Nguyễn Thị Thu Thủy	31/03/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	655
507	1114070017	Lê Việt Anh	24/06/1997	D14TL01	Tâm lý học	595
508	1114070051	Phan Thị Mai	19/05/2000	D14TL01	Tâm lý học	570
509	1114070065	Nguyễn Thị Yên	08/09/2000	D14TL01	Tâm lý học	420
510	1114070070	Phạm Thu Thảo	26/02/2000	D14TL02	Tâm lý học	500

V. ĐẠI HỌC KHÓA 15

511	1115030001	Trần Tố Anh	20/01/2001	D15BH01	Bảo hiểm	635
512	1115030008	Hoàng Minh Ngọc	10/01/2001	D15BH01	Bảo hiểm	760
513	1115030013	Nguyễn Hoàng Lan	09/05/2001	D15BH01	Bảo hiểm	855
514	1115030016	Hoàng Duy Khánh	20/03/2001	D15BH01	Bảo hiểm	570
515	1115030032	Huang Hào Bình	11/07/2001	D15BH01	Bảo hiểm	655
516	1115030044	Đỗ Tuệ Khuyên	10/02/2001	D15BH01	Bảo hiểm	420
517	1115060002	Vũ Hồng Dương	01/08/2001	D15KL01	Kinh tế	755
518	1115060003	Nguyễn Hữu Trường	24/05/2000	D15KL01	Kinh tế	420
519	1115060006	Nguyễn Thu Thảo	10/12/2001	D15KL01	Kinh tế	480
520	1115060009	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/10/2001	D15KL01	Kinh tế	670
521	1115060010	Nguyễn Hồng Linh	05/12/2000	D15KL01	Kinh tế	420
522	1115060012	Bùi Thanh Thủy	15/05/2001	D15KL01	Kinh tế	705
523	1115060015	Phan Thị Hồng	26/05/2001	D15KL01	Kinh tế	740
524	1115060020	Trần Văn Luyện	12/01/2001	D15KL01	Kinh tế	575
525	1115060024	Chu Cẩm Nhung	11/12/2001	D15KL01	Kinh tế	490
526	1115060029	Phạm Văn Đức Anh	03/12/2001	D15KL01	Kinh tế	790
527	1115060033	Đào Thị Thủy Dương	10/10/2001	D15KL01	Kinh tế	810
528	1115060036	Nguyễn Quốc Toàn	11/07/2001	D15KL01	Kinh tế	680
529	1115060038	Nguyễn Thu Trang	02/03/2001	D15KL01	Kinh tế	510
530	1115060039	Bạch Thủy Trang	12/09/2001	D15KL01	Kinh tế	695
531	1115060043	Nguyễn Hà Trang	17/03/2001	D15KL01	Kinh tế	655

2

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
532	1115060046	Phạm Thị Ngọc Ánh	20/10/2001	D15KL01	Kinh tế	705
533	1115060047	Đinh Gia Khánh	25/08/2001	D15KL01	Kinh tế	565
534	1115060048	Hoàng Mạnh Hùng	14/09/2001	D15KL01	Kinh tế	705
535	1115060050	Đỗ Thị Thanh Huyền	24/01/2001	D15KL01	Kinh tế	915
536	1115060054	Phạm Thị Vân Anh	01/05/2001	D15KL01	Kinh tế	480
537	1115060055	Đoàn Anh Đức	07/03/2001	D15KL01	Kinh tế	450
538	1115060059	Nguyễn Thị Thủy	27/06/2001	D15KL01	Kinh tế	790
539	1115060063	Ngô Thị Thủy Trang	01/12/2001	D15KL01	Kinh tế	475
540	1115060064	Lê Hồng Hà	25/05/2001	D15KL01	Kinh tế	475
541	1115060070	Phạm Thị Thủy Hiền	30/05/2001	D15KL01	Kinh tế	555
542	1115020083	Vũ Thị Hải Hà	10/03/2001	D15KT01	Kế toán	595
543	1115020021	Ngô Thị Thủy Trang	23/02/2001	D15KT01	Kế toán	625
544	1115020033	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/05/2001	D15KT01	Kế toán	825
545	1115020035	Trần Như Quỳnh	05/12/2001	D15KT01	Kế toán	760
546	1115020042	Dương Thị Ánh Nguyệt	17/04/2001	D15KT01	Kế toán	685
547	1115020054	Phạm Thu Trang	01/07/2001	D15KT01	Kế toán	645
548	1115020060	Trần Ngọc Mai	23/01/2001	D15KT01	Kế toán	685
549	1115020062	Phạm Thị Thu Hương	16/09/2001	D15KT01	Kế toán	420
550	1115020066	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/2001	D15KT02	Kế toán	635
551	1115020068	Nguyễn Minh Trang	30/08/2001	D15KT02	Kế toán	485
552	1115020069	Lê Thị Hoài Thu	14/01/2001	D15KT02	Kế toán	705
553	1115020071	Lê Ngọc Bích	23/10/2001	D15KT02	Kế toán	420
554	1115020078	Trần Thị An	15/12/2001	D15KT02	Kế toán	420
555	1115020079	Đỗ Thị Bích	29/10/2001	D15KT02	Kế toán	475
556	1115020095	Thái Minh Phương	04/08/2001	D15KT02	Kế toán	645
557	1115020106	Trịnh Ngọc Mai	07/05/2001	D15KT02	Kế toán	450
558	1115020128	Nguyễn Thị Hồng	29/01/2001	D15KT02	Kế toán	520
559	1115020682	Đỗ Thủy Trang	11/12/2001	D15KT02	Kế toán	510
560	1115020132	Đỗ Hải Yến	10/03/2001	D15KT03	Kế toán	585
561	1115020137	Nguyễn Thị Hải Yến	06/06/2001	D15KT03	Kế toán	800
562	1115020140	Trần Thị Bảo Ngọc	19/10/2001	D15KT03	Kế toán	710
563	1115020141	Bùi Ngọc Diệp	20/06/2001	D15KT03	Kế toán	525
564	1115020145	Phạm Hải Yến	16/08/2001	D15KT03	Kế toán	655
565	1115020156	Trần Thị Minh Trang	26/06/2001	D15KT03	Kế toán	555

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TSHC
566	1115020166	Nguyễn Thuý Tiên	23/09/2001	D15KT03	Kế toán	425
567	1115020170	Mai Thu Nguyệt	04/12/2001	D15KT03	Kế toán	740
568	1115020180	Trần Minh Tâm	25/08/2001	D15KT03	Kế toán	500
569	1115020191	Nguyễn Kiều Trinh	01/07/2001	D15KT03	Kế toán	475
570	1115020197	Trần Trịnh Tuấn Anh	07/11/2001	D15KT03	Kế toán	855
571	1115020657	Phạm Thị Vân Anh	30/05/2001	D15KT03	Kế toán	655
572	1115020200	Nguyễn Trung Quang	26/02/2001	D15KT04	Kế toán	585
573	1115020212	Nguyễn Hồng Ngọc	09/09/2001	D15KT04	Kế toán	655
574	1115020223	Thần Đức Huy	21/09/2001	D15KT04	Kế toán	820
575	1115020245	Ngô Thị Diệu Hà	02/03/2001	D15KT04	Kế toán	420
576	1115020248	Mai Hải Yến	19/04/2001	D15KT04	Kế toán	525
577	1115020255	Ngô Thị Quỳnh	01/05/2001	D15KT04	Kế toán	595
578	1115020257	Dương Thị Thúy	25/03/2001	D15KT04	Kế toán	800
579	1115020203	Lê Tuyết Anh	21/03/2001	D15KT04	Kế toán	420
580	1115020262	Phạm Thu Trang	22/02/2001	D15KT05	Kế toán	595
581	1115020272	Nguyễn Vũ Dương	14/11/2001	D15KT05	Kế toán	605
582	1115020291	Nguyễn Thị Uyên	26/06/2001	D15KT05	Kế toán	655
583	1115020296	Vương Thị Hương Ngát	27/10/2001	D15KT05	Kế toán	605
584	1115020308	Hoàng Duy Anh	31/12/2001	D15KT05	Kế toán	420
585	1115020317	Trần Thị Thùy Linh	15/01/2001	D15KT05	Kế toán	645
586	1115020324	Lê Thị Ngọc Mỹ	27/07/2001	D15KT05	Kế toán	540
587	1115020328	Vương Thị Mai Lê	02/10/2001	D15KT06	Kế toán	420
588	1115020331	Vũ Thị Lan	19/05/2001	D15KT06	Kế toán	710
589	1115020333	Trần Thị Phương Thảo	24/02/2001	D15KT06	Kế toán	510
590	1115020335	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/11/2001	D15KT06	Kế toán	780
591	1115020339	Trần Minh Anh	30/08/2001	D15KT06	Kế toán	655
592	1115020344	Trịnh Hoàng Lý	06/06/2001	D15KT06	Kế toán	595
593	1115020348	Trịnh Thị Hà My	05/07/2001	D15KT06	Kế toán	450
594	1115020351	Nguyễn Thị Vân Anh	03/10/2001	D15KT06	Kế toán	620
595	1115020353	Vũ Thị Hoa	02/06/2001	D15KT06	Kế toán	540
596	1115020355	Trần Kim Chi	26/11/2001	D15KT06	Kế toán	525
597	1115020360	Chen Thị Quỳnh Mai	15/07/2001	D15KT06	Kế toán	645
598	1115020361	Bạch Thị Dương	08/01/2001	D15KT06	Kế toán	420
599	1115020363	Trần Thị Mai	31/05/2001	D15KT06	Kế toán	420

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
600	1115020366	Tạ Thị Diễm	22/09/2001	D15KT06	Kế toán	565
601	1115020368	Vũ Thị Phương	19/02/2001	D15KT06	Kế toán	710
602	1115020369	Phạm Minh Hùng	04/07/2001	D15KT06	Kế toán	715
603	1115020399	Hoàng Trang Hương	15/04/2001	D15KT06	Kế toán	420
604	1115020391	Trần Thị Phương Thảo	31/03/2001	D15KT07	Kế toán	755
605	1115020396	Đỗ Diệu Linh	21/08/2001	D15KT07	Kế toán	535
606	1115020400	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/08/2001	D15KT07	Kế toán	760
607	1115020402	Nguyễn Kim Ngân	11/08/2001	D15KT07	Kế toán	645
608	1115020403	Bùi Thị Dung	05/01/2001	D15KT07	Kế toán	800
609	1115020405	Trần Thị Phương Mai	24/10/2001	D15KT07	Kế toán	695
610	1115020413	Trần Mỹ Hân	31/08/2001	D15KT07	Kế toán	540
611	1115020415	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/02/2001	D15KT07	Kế toán	625
612	1115020418	Nguyễn Thị Vân	03/08/2001	D15KT07	Kế toán	525
613	1115020421	Hoàng Diệu Linh	25/10/2001	D15KT07	Kế toán	695
614	1115020422	Phạm Thị Thắm	10/10/2001	D15KT07	Kế toán	540
615	1115020425	Đàm Thị Xuân	23/11/2001	D15KT07	Kế toán	705
616	1115020431	Nguyễn Ngọc Linh	11/12/2001	D15KT07	Kế toán	480
617	1115020438	Đặng Thu Uyên	05/08/2001	D15KT07	Kế toán	655
618	1115020678	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/10/2001	D15KT07	Kế toán	695
619	1115020452	Nguyễn Tường Vy	28/11/2001	D15KT08	Kế toán	770
620	1115020453	Nguyễn Quỳnh Trang	27/01/2001	D15KT08	Kế toán	430
621	1115020456	Nguyễn Thị Nga	10/07/2001	D15KT08	Kế toán	655
622	1115020462	Mai Thị Huyền Chi	11/05/2001	D15KT08	Kế toán	595
623	1115020471	Tô Thị Quỳnh Anh	03/01/2001	D15KT08	Kế toán	600
624	1115020475	Vũ Thị Hương Giang	23/10/2001	D15KT08	Kế toán	500
625	1115020485	Nguyễn Kim Hằng	17/04/2001	D15KT08	Kế toán	625
626	1115020486	Đỗ Thùy Linh	16/06/2001	D15KT08	Kế toán	420
627	1115020488	Nguyễn Hải Đăng	11/06/2001	D15KT08	Kế toán	820
628	1115020490	Đỗ Thu Trang	06/10/2001	D15KT08	Kế toán	405
629	1115020492	Nguyễn Thị Hoàng Đan	12/05/2001	D15KT08	Kế toán	755
630	1115020495	Nguyễn Thị Thu Hương	03/01/2001	D15KT08	Kế toán	510
631	1115020501	Nguyễn Thị Minh Xuân	02/11/2001	D15KT08	Kế toán	540
632	1115020505	Nguyễn Thị Thanh Thương	14/09/2001	D15KT08	Kế toán	780
633	1115020517	Vũ Thị Diễm Quỳnh	02/05/2001	D15KT08	Kế toán	705

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
634	1115020518	Nguyễn Thị Vân	21/12/2001	D15KT08	Kế toán	585
635	1115020532	Nguyễn Yến Linh	09/11/2001	D15KT09	Kế toán	760
636	1115020552	Nguyễn Ngọc Linh	27/09/2001	D15KT09	Kế toán	680
637	1115020553	Cao Thị Thanh Huyền	23/07/2001	D15KT09	Kế toán	535
638	1115020564	Nguyễn Đức Minh	05/11/2001	D15KT09	Kế toán	535
639	1115020571	Trần Thu Hương	09/06/2001	D15KT09	Kế toán	680
640	1115020573	Đoàn Thị Hương	07/05/2001	D15KT09	Kế toán	595
641	1115020575	Ngô Thị Thuyền	14/07/2001	D15KT09	Kế toán	510
642	1115020597	Trần Thị Kiều Oanh	28/07/2001	D15KT10	Kế toán	420
643	1115020606	Nguyễn Thị Nhung	29/01/2001	D15KT10	Kế toán	540
644	1115020629	Lê Thị Thương	22/01/2001	D15KT10	Kế toán	475
645	1115020639	Đỗ Thị Sen	06/10/2001	D15KT10	Kế toán	605
646	1115080002	Bùi Công Đức	14/09/2001	D15LK01	Luật kinh tế	685
647	1115080009	Hoàng Thị Thu Dương	22/03/2001	D15LK01	Luật kinh tế	695
648	1115080013	Nguyễn Hồng Ngọc Anh	13/05/2001	D15LK01	Luật kinh tế	475
649	1115080039	Lê Thị Ngọc Anh	04/01/2001	D15LK01	Luật kinh tế	550
650	1115080041	Mai Quốc Trung	13/11/2001	D15LK01	Luật kinh tế	420
651	1115080043	Nguyễn Nhật Lệ	28/08/2001	D15LK01	Luật kinh tế	500
652	1115080047	Ngô Hoàng Khánh	15/04/2001	D15LK01	Luật kinh tế	425
653	1115080051	Trương Hoàng Quỳnh Anh	19/11/2001	D15LK01	Luật kinh tế	570
654	1115080062	Đào Mạnh Cường	07/08/2001	D15LK01	Luật kinh tế	480
655	1115080067	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	15/10/2001	D15LK01	Luật kinh tế	510
656	1115080071	Phạm Thị Hồng Hạnh	01/08/2001	D15LK01	Luật kinh tế	525
657	1115080076	Nguyễn Chu Linh Chi	28/10/2001	D15LK02	Luật kinh tế	420
658	1115080107	Dương Mạnh Dũng	24/01/2001	D15LK02	Luật kinh tế	540
659	1115080120	Đào Quang Hiệu	31/08/2001	D15LK02	Luật kinh tế	600
660	1115080137	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04/11/2001	D15LK02	Luật kinh tế	680
661	1115080017	Nguyễn Thu Thủy	14/10/2001	D15LK03	Luật kinh tế	425
662	1115080021	Nguyễn Thị Cẩm Tú	13/05/2001	D15LK03	Luật kinh tế	635
663	1115080160	Trần Ngọc Anh	10/10/2001	D15LK03	Luật kinh tế	535
664	1115080166	Lê Nhật Thái	06/05/2001	D15LK03	Luật kinh tế	600
665	1115080173	Trịnh Hoàng Phú	24/02/1996	D15LK03	Luật kinh tế	645
666	1115050002	Hoàng Thị Khánh Hòa	04/02/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	450
667	1115050003	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	07/10/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	705

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
668	1115050004	Trần Quỳnh Nga	03/06/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	810
669	1115050006	Nguyễn Thị Thân	24/11/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	870
670	1115050010	Nguyễn Sỹ Huy	16/08/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	595
671	1115050011	Nguyễn Tuấn Khoa	18/11/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	820
672	1115050018	Đỗ Nhi Bình	24/08/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	475
673	1115050026	Nguyễn Văn Hoàng	05/04/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	480
674	1115050029	Lê Hà Linh	26/10/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	680
675	1115050037	Phạm Ngọc Anh	28/02/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	810
676	1115050042	Ngô Thảo Vy	28/03/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	720
677	1115050047	Bùi Thu Hiền	06/12/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	655
678	1115050048	Hoàng Thị Hồng	05/04/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	595
679	1115050058	Lê Huyền Linh	11/06/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	695
680	1115050060	Trần Thị Ánh Dương	14/11/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	655
681	1115050063	Hoàng Thị Phương Thanh	24/05/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	655
682	1115050090	Dương Thị Anh	05/05/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	680
683	1115050071	Đặng Kiều Anh	24/10/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	595
684	1115050074	Lê Hải Nam	03/10/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	705
685	1115050099	Đỗ Ngọc Huyền	08/10/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	450
688	1115050127	Phạm Thị Lan Anh	25/10/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	505
687	1115050130	Nguyễn Thị Hiền	04/10/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	675
688	1115050135	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	08/02/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	620
689	1115050142	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/12/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	575
690	1115050152	Phạm Ngọc Anh	15/03/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	810
691	1115050161	Nguyễn Thị Ngân	08/02/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	540
692	1115050165	Nguyễn Thị Minh Trang	04/07/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	670
693	1115050170	Hoàng Như Quỳnh	08/06/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	820
694	1115050172	Phạm Thị Hồng Hiền	12/01/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	885
695	1115050173	Nguyễn Thị Ngân	22/10/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	710
696	1115050174	Phạm Văn Anh	22/03/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	600
697	1115050178	Nguyễn Việt Hoàng	01/03/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	915
698	1115050181	Hồ Thị Trang	14/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	535
699	1115050184	Đỗ Lan Anh	21/12/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	480
700	1115050185	Nguyễn Thùy Hằng	19/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	915
701	1115050186	Nguyễn Ngọc Sơn	02/12/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	565

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
702	1115050189	Trần Thị Thanh Thảo	31/08/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	475
703	1115050191	Ngô Hoàng Tuấn	27/03/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	830
704	1115050193	Đỗ Ngọc Ánh	06/09/2000	D15QK04	Quản trị kinh doanh	730
705	1115050196	Lê Thanh Mai	05/09/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	535
706	1115050198	Phạm Thị Nguyệt Hà	14/04/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	780
707	1115050201	Mai Minh Hoàng	21/06/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	790
708	1115050209	Trần Thị Tuyết Lam	10/07/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	705
709	1115050210	Trịnh Thị Lê	03/02/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	820
710	1115050213	Vũ Thị Thùy Dung	16/09/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	600
711	1115050225	Nguyễn Hữu Duy Khánh	09/12/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	500
712	1115050226	Đặng Thị Thu Trang	07/11/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	650
713	1115050228	Trần Thúy Tiên	19/09/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	600
714	1115050231	Bùi Ngọc Ánh	12/12/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	625
715	1115050233	Đoàn Thị Nhung	29/05/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	675
716	1115050234	Quang Hương Trà	10/11/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	545
717	1115050235	Phan Thị Hà	19/03/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	645
718	1115050238	Phạm Ngọc Thảo Anh	14/02/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	845
719	1115050247	Ngô Quang Trình	04/03/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	705
720	1115050252	Lê Thị Ngọc Ánh	11/06/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	555
721	1115050433	Nguyễn Minh Hoàng	09/02/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	755
722	1115050262	Bùi Hương Quỳnh	26/08/1999	D15QK05	Quản trị kinh doanh	600
723	1115050269	Vũ Thị Hân	20/02/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	810
724	1115050275	Bê Thu Phương	02/05/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	585
725	1115050277	Trần Đức Lương	14/01/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	475
726	1115050278	Nguyễn Ngọc Mai	29/12/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	450
727	1115050283	Phương Thị Ngọc Phương	26/11/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	475
728	1115050284	Nguyễn Thị Thảo	20/11/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	585
729	1115050295	Vũ Thị Luyện	30/06/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	475
730	1115050299	Nguyễn Thị Thuận	09/11/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	690
731	1115050304	Nguyễn Quỳnh Chi	20/08/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	685
732	1115050308	Hoàng Thị Tâm	11/04/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	710
733	1115050458	Đặng Văn Huỳnh	16/08/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	645
734	1115050467	Nguyễn Thùy Linh	11/04/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	675
735	1115050319	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/09/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	475

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
736	1115050324	Phùng Thị Quỳnh Anh	21/09/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	595
737	1115050325	Nguyễn Thị Thư	14/07/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	620
738	1115050331	Trần Tiến Đức	26/10/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	630
739	1115050334	Nguyễn Thị Hải Yến	05/07/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	570
740	1115050337	Nguyễn Thủy Trang	05/10/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	655
741	1115050330	Trần Thị Nhân	13/08/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	620
742	1115050342	Nguyễn Tú Anh	03/10/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	595
743	1115050345	Choi Thị Hiền	22/05/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	975
744	1115050346	Phạm Minh Nhi	09/09/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	480
745	1115050356	Trần Minh Ngọc Diệu Linh	10/04/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	625
746	1115050360	Nguyễn Thị Thủy	08/12/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	525
747	1115050365	Lê Thủy Linh	22/09/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	655
748	1115050367	Đỗ Thị Thanh Phương	06/12/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	770
749	1115050369	Đoàn Khánh Hà	10/06/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	790
750	1115050415	Hoàng Thị Duyên	10/02/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	820
751	1115050462	Nguyễn Văn Hưng	06/08/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	725
752	1115050394	Nguyễn Thị Thanh Thư	04/05/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	525
753	1115050403	Võ Hà Chi	08/10/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	850
754	1115050420	Hoàng Thị Quỳnh	25/01/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	645
755	1115050432	Đặng Thành Vinh	31/12/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	480
756	1115050436	Trần Hải Linh	30/05/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	570
757	1115050445	Phùng Thị Tuyết	12/12/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	525
758	1115050451	Lê Thị Minh Thư	24/11/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	655
759	1115050483	Nguyễn Hữu Thắng	03/05/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	535
760	1115010002	Đặng Thị Hồng Bích	11/08/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	625
761	1115010004	Phan Thị Như Hương	17/12/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	705
762	1115010010	Lê Thị Kim Anh	22/05/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	540
763	1115010017	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/07/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	420
764	1115010019	Nguyễn Quang Hưng	30/01/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	635
765	1115010029	Phạm Thu Hoài	08/06/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	655
766	1115010037	Lê Ngọc Mai	12/07/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	760
767	1115010041	Nguyễn Thị Yên	17/02/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	565
768	1115010043	Nguyễn Thị Thu Trang	01/05/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	510
769	1115010044	Nguyễn Thị Hoàn	22/01/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	770

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm T02C
770	1115010045	Dương Thị Hương	06/12/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	620
771	1115010050	Đào Thị Thu Hương	28/11/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	855
772	1115010052	Lê Thị Thu Giang	07/02/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	675
773	1115010053	Khúc Thị Lan	29/10/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	810
774	1115010056	Vũ Thanh Huyền	04/12/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	485
775	1115010061	Đỗ Thị Hoa	01/01/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	715
776	1115010517	Nguyễn Thị Thủy	30/11/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	645
777	1115010066	Lê Thủy Tiên	04/03/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	635
778	1115010068	Chu Thủy Tiên	10/01/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	890
779	1115010070	Đương Thị Nhung	21/11/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	515
780	1115010074	Nguyễn Thị Dịu	22/12/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	420
781	1115010076	Nguyễn Thị Bình	05/01/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	540
782	1115010082	Nguyễn Thị Huyền	16/10/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	405
783	1115010083	Đinh Thị Phương Thảo	12/10/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	440
784	1115010086	Nguyễn Thị Linh	04/06/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	635
785	1115010097	Vũ Linh Chi	03/11/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	655
786	1115010100	Nguyễn Thị Yến Linh	06/09/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	930
787	1115010113	Hồ Thị Diệu	29/09/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	525
788	1115010122	Phan Thị Hà Trang	01/10/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	480
789	1115010126	Hoàng Phương Anh	05/12/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	810
790	1115010127	Nguyễn Thanh Vân	02/01/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	570
791	1115010520	Trần Thị Thu	20/03/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	515
792	1115010133	Trần Minh Hiền	04/10/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	680
793	1115010135	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22/12/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	480
794	1115010141	Lý Thanh Hiền	26/07/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	635
795	1115010143	Tổng Ngọc Diệp	05/08/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	820
796	1115010145	Tổng Hương Giang	05/08/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	975
797	1115010163	Nguyễn Thị Hà	27/05/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	670
798	1115010173	Đỗ Thu Hoàn	21/02/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	620
799	1115010177	Mai Thị Linh Lâm	26/07/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	480
800	1115010192	Nguyễn Thị Tô Lệ	09/09/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	655
801	1115010194	Trần Việt Hà	14/11/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	655
802	1115010206	Trịnh Thị Thu Trang	14/01/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	660
803	1115010209	Lưu Kim Xuyên	04/01/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	645

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
804	1115010223	Nguyễn Thị Hương Giang	01/10/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	570
805	1115010243	Vũ Thị Trang	04/10/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	625
806	1115010257	Trần Thu Giang	26/08/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	410
807	1115010278	Bùi Thị Phương Hoa	15/03/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	755
808	1115010279	Lê Hà Anh	23/09/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	810
809	1115010297	Vũ Thị Ngọc	26/02/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	540
810	1115010298	Nguyễn Thị Hương	04/10/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	420
811	1115010302	Giáp Thị Minh Ngọc	30/08/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	710
812	1115010316	Dương Thị Ngọc	18/09/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	520
813	1115010323	Trần Thị Thu Huệ	22/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	740
814	1115010325	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/05/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	655
815	1115010326	Mạc Tuấn Anh	12/04/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	575
816	1115010327	Lương Thị Hạnh	26/12/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	760
817	1115010329	Bùi Thị Ly	11/06/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	770
818	1115010333	Trần Thị Thu Thủy	18/01/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	600
819	1115010334	Lê Thị Phương Ly	08/10/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	760
820	1115010338	Nguyễn Anh Tuấn	10/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	710
821	1115010345	Nguyễn Thị Ủy Thương	08/01/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	455
822	1115010350	Trần Thị Kim Liên	01/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	725
823	1115010354	Nguyễn Thị Linh Chi	24/08/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	840
824	1115010373	Trần Thị Thủy Hương	24/07/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	780
825	1115010377	Lê Thị Kiều Trinh	07/06/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	655
826	1115010381	Nguyễn Thị Trang	12/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	485
827	1115010383	Nguyễn Thị Linh Giang	04/03/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	820
828	1115010384	Trịnh Thủy Linh	29/05/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	645
829	1115010385	Đỗ Thị Vân Anh	25/12/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	625
830	1115010386	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	03/11/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	685
831	1115010389	Đào Thanh Thảo	05/06/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	880
832	1115010393	Vũ Công Ánh Ngọc	28/01/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	770
833	1115010400	Trần Phương Linh	19/12/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	705
834	1115010411	Đỗ Thị Kim Chi	17/05/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	625
835	1115010412	Nguyễn Thị Phương Anh	10/02/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	740
836	1115010421	Vũ Thị Thu Hương	08/02/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	770
837	1115010422	Lê Thị Tố Uyên	23/09/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	655

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
838	1115010442	Nguyễn Thị Thiên Hà	12/12/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	695
839	1115010443	Đinh Thị Thủy Dương	15/05/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	565
840	1115010446	Trịnh Lệ Nhi	26/11/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	515
841	1115010453	Trần Minh Đức	24/10/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	760
842	1115010464	Đặng Mai Linh	21/05/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	570
843	1115010483	Đỗ Hương Giang	08/10/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	625
844	1115010494	Dương Thủy Hằng	07/05/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	605
845	1115010495	Nguyễn Phương Anh	21/02/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	755
846	1115010508	Bùi Trọng Vinh	13/10/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	710
847	1115010532	Vũ Trà My	01/10/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	600
848	1115010533	Phạm Thị Phương Thảo	30/10/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	420
849	1115010547	Nguyễn Trung Hiếu	26/01/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	695
850	1115010552	Nguyễn Thảo Vân	22/01/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	595
851	1115010561	Nguyễn Đình Minh Đức	23/03/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	540
852	1115010564	Nguyễn Thị Loan	25/04/2000	D15QL09	Quản trị nhân lực	535
853	1115010571	Nguyễn Thị Hà Phương	01/05/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	685
854	1115010576	Tạ Thanh Mai	30/12/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	420
855	1115070016	Nguyễn Trà My	23/12/2001	D15TL01	Tâm lý học	655
856	1115070025	Hà Thị Lệ	08/08/2001	D15TL01	Tâm lý học	625
857	1115070030	Nguyễn Thị Mai Hương	24/08/2001	D15TL01	Tâm lý học	540
858	1115070050	Chu Bích Liên	05/06/2001	D15TL01	Tâm lý học	020
859	1115070012	Vũ Phi Yến	25/05/2001	D15TL02	Tâm lý học	705
860	1115070076	Bào Xuân An	24/09/2001	D15TL02	Tâm lý học	710

VI ĐẠI HỌC KHÓA 16

861	1116030018	Hà Thu Huyền	05/02/2002	D16BH01	Bảo hiểm	705
862	1116030019	Nguyễn Xuân An	22/02/2002	D16BH01	Bảo hiểm	540
863	1116030023	Nguyễn Việt Hoàng	10/05/2002	D16BH01	Bảo hiểm	635
864	1116030036	Nguyễn Thị Ninh Yên	19/10/2002	D16BH01	Bảo hiểm	770
865	1116030037	Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên	19/12/2002	D16BH01	Bảo hiểm	880
866	1116020073	Vũ Bích Ngọc	25/09/2002	D16KT02	Kế toán	655
867	1116020085	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/10/2001	D16KT02	Kế toán	705
868	1116020102	Trần Bảo Anh	12/07/2002	D16KT02	Kế toán	780
869	1116020112	Nguyễn Hoài Ngọc	08/06/2002	D16KT02	Kế toán	420
870	1116020115	Nguyễn Thị Hương Ly	04/02/2002	D16KT02	Kế toán	655



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
871	1116020125	Là Ngọc Hiếu	23/12/2002	D16KT02	Kế toán	570
872	1116020131	Nguyễn Quỳnh Trang	26/05/2002	D16KT02	Kế toán	585
873	1116020192	Trần Thị Lành	21/04/2002	D16KT03	Kế toán	915
874	1116020206	Vũ Thị Quỳnh Anh	25/12/2002	D16KT03	Kế toán	855
875	1116020219	Vũ Thị Hạnh	21/08/2002	D16KT04	Kế toán	715
876	1116020227	Nguyễn Thị Hoàn	11/12/2002	D16KT04	Kế toán	755
877	1116020248	Hoàng Thanh Vân	18/01/2002	D16KT04	Kế toán	645
878	1116020263	Đinh Thị Hương Trà	30/06/2002	D16KT04	Kế toán	710
879	1116020340	Phạm Thị Hạnh	03/10/2002	D16KT05	Kế toán	915
880	1116020360	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/01/2002	D16KT06	Kế toán	825
881	1116020417	Huỳnh Phương Thảo	26/11/2002	D16KT06	Kế toán	755
882	1116020421	Phạm Thị Thùy Dương	15/03/2002	D16KT07	Kế toán	525
883	1116020430	Nguyễn Kiều Trang	18/03/2002	D16KT07	Kế toán	570
884	1116020433	Nông Hồng Hạnh	21/04/2001	D16KT07	Kế toán	740
885	1116020438	Nguyễn Phương Thảo	09/04/2002	D16KT07	Kế toán	480
886	1116020439	Lê Khánh Linh	27/06/2002	D16KT07	Kế toán	740
887	1116020442	Bùi Lan Hương	23/11/2002	D16KT07	Kế toán	625
888	1116020443	Hoàng Thiên Trang	06/04/2002	D16KT07	Kế toán	855
889	1116020455	Nguyễn Ngọc Linh	16/05/2002	D16KT07	Kế toán	850
890	1116020459	Nguyễn Ngọc Chăm	08/03/2002	D16KT07	Kế toán	680
891	1116020463	Ngô Việt Trinh	04/08/2002	D16KT07	Kế toán	655
892	1116020464	Cần Thị Thu Huyền	30/11/2002	D16KT07	Kế toán	605
893	1116020468	Hồ Hải Anh	30/07/2002	D16KT07	Kế toán	695
894	1116020471	Lê Hồng Lương	27/02/2002	D16KT07	Kế toán	450
895	1116020475	Phạm Quỳnh Lâm	22/11/2002	D16KT07	Kế toán	635
896	1116020476	Nguyễn Tài Ánh Dương	19/02/2002	D16KT07	Kế toán	535
897	1116020478	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/01/2002	D16KT07	Kế toán	670
898	1116020481	Lê Thị Thùy Dung	28/07/2002	D16KT07	Kế toán	680
899	1116020511	Lê Thị Ngọc Trâm	12/09/2002	D16KT08	Kế toán	595
900	1116020513	Trần Thị Huyền Trang	11/06/2002	D16KT08	Kế toán	685
901	1116020515	Đoàn Thị Yến Linh	13/01/2002	D16KT08	Kế toán	725
902	1116020552	Đinh Thị Thanh Hương	22/09/2002	D16KT08	Kế toán	450
903	1116020598	Vũ Thị Mai Thùy	13/11/2002	D16KT09	Kế toán	760
904	1116020622	Nguyễn Phương Hoa	02/05/2003	D16KT09	Kế toán	505

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
905	1116020670	Phạm Thị Ngọc	08/08/2002	D16KT10	Kế toán	645
906	1116000070	Phạm Bùi Minh Chính	06/08/2002	D16LK02	Luật kinh tế	760
907	1116000086	Nguyễn Thị Thu Trang	05/07/2002	D16LK02	Luật kinh tế	420
908	1116000129	Hoàng Việt Hưng	16/02/2002	D16LK02	Luật kinh tế	885
909	1116000140	Trịnh Quang Huy	06/06/2002	D16LK02	Luật kinh tế	790
910	1116000109	Trần Anh Tuấn	05/08/2002	D16LK03	Luật kinh tế	655
911	1116000236	Hoàng Thị Minh Lý	18/11/2002	D16LK03	Luật kinh tế	450
912	1116000265	Đỗ Thu Anh	23/09/2002	D16LK03	Luật kinh tế	760
913	1116050087	Đỗ Thu Giang	14/06/2002	D16QK02	Quản trị kinh doanh	840
914	1116050106	Trần Thị Thanh Huyền	28/03/2002	D16QK02	Quản trị kinh doanh	480
915	1116050168	Nguyễn Ngọc Ánh	30/11/2002	D16QK03	Quản trị kinh doanh	480
916	1116050172	Đào Thị Linh Chi	05/11/2002	D16QK03	Quản trị kinh doanh	550
917	1116050201	Bùi Văn Duyệt	26/03/2002	D16QK03	Quản trị kinh doanh	480
918	1116050323	Nguyễn Thị Thơm	29/09/2002	D16QK05	Quản trị kinh doanh	595
919	1116050387	Trần Thị Thu Hoài	17/03/2002	D16QK06	Quản trị kinh doanh	740
920	1116050413	Phạm Trung Hiếu	12/12/2002	D16QK06	Quản trị kinh doanh	780
921	1116050434	Trần Đức Lương	22/12/2002	D16QK07	Quản trị kinh doanh	825
922	1116050540	Trần Thị Phương Thảo	06/02/2002	D16QK08	Quản trị kinh doanh	585
923	1116010009	Nguyễn Thùy Trang	19/03/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	730
924	1116010010	Vũ Thị Thu Phương	02/01/2001	D16QL01	Quản trị nhân lực	800
925	1116010011	Nguyễn Thị Ngân	28/02/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	450
926	1116010024	Lê Thị Mỹ Hạnh	03/04/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	915
927	1116010037	Phạm Thị Vân Anh	08/01/2001	D16QL01	Quản trị nhân lực	570
928	1116010056	Nguyễn Thị Kiều Oanh	11/04/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	405
929	1116010064	Nguyễn Hương Cúc	28/07/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	680
930	1116010086	Lê Ngọc Anh	06/03/2002	D16QL02	Quản trị nhân lực	595
931	1116010157	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/10/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	645
932	1116010187	Nguyễn Minh Hợp	20/07/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	420
933	1116010209	Tạ Duy Kiên	06/07/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	770
934	1116010211	Bùi Thu Hà	29/06/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	755
935	1116010225	Trần Gia Kiệt	26/11/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	595
936	1116010273	Trịnh Hải Ngân	02/05/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	535
937	1116010287	Tạ Thị Ngọc Lan	21/03/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	420
938	1116010288	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/08/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	475

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
939	1116010324	Lương Thu Hương	23/05/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	475
940	1116010327	Nguyễn Phương Thủy	27/04/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	480
941	1116010348	Hà Minh Phương	17/11/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	645
942	1116010352	Nguyễn Thị Huyền	02/05/2002	D16QL06	Quản trị nhân lực	475
943	1116010380	Trần Thị Trà My	15/02/2002	D16QL06	Quản trị nhân lực	585
944	1116010400	Lê Nguyễn Hải Anh	16/01/2002	D16QL06	Quản trị nhân lực	480
945	1116010408	Nguyễn Thanh Nga	29/11/2002	D16QL06	Quản trị nhân lực	705
946	1116010428	Nguyễn Thị Lê	22/01/2002	D16QL07	Quản trị nhân lực	595
947	1116010472	Bùi Bích Phương	25/08/2002	D16QL07	Quản trị nhân lực	420
948	1116010478	Nguyễn Thị Vân	25/09/2001	D16QL07	Quản trị nhân lực	855
949	1116010482	Nguyễn Đức Quân	01/05/2002	D16QL07	Quản trị nhân lực	540
950	1116010503	Hoàng Phương Thảo	05/02/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	695
951	1116010510	Vũ Hồng Ngọc	14/07/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	730
952	1116010518	Đỗ Thị Hồng Nhung	14/07/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	450
953	1116010519	Nguyễn Thị Hồng Thắm	29/11/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	550
954	1116010545	Mê Thị Hoàng Anh	11/08/2001	D16QL08	Quản trị nhân lực	740
955	1116010555	Nguyễn Thu Thảo	09/10/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	540
956	1116010567	Nguyễn Thị Thuý Tiên	23/01/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	760
957	1116010574	Phạm Thị Phương Thảo	18/12/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	500
958	1116010583	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/09/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	740
959	1116010586	Nguyễn Thị Hươi	04/12/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	475
960	1116010591	Trịnh Thị Bình An	21/11/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	680
961	1116010598	Phạm Thị Kim Thoa	04/01/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	653
962	1116010600	Mẫn Thị Thủy	21/09/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	653
963	1116010624	Đào Trọng Chiến	01/03/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	853
964	1116010649	Trần Thị Hồng Nhung	11/08/2002	D16QL10	Quản trị nhân lực	653
965	1116010656	Lê Thị Diệu Ly	16/07/2002	D16QL10	Quản trị nhân lực	715
966	1116010815	Lương Đức Thành	30/07/2002	D16QL12	Quản trị nhân lực	540
967	1116010845	Nguyễn Thị Trà My	13/02/2002	D16QL13	Quản trị nhân lực	540
968	1116010846	Nguyễn Thị Hà	10/09/2002	D16QL13	Quản trị nhân lực	480
969	1116100004	Bùi Thanh Loan	27/03/2002	D16TC01	Tài chính ngân hàng	760
970	1116100020	Chu Thị Thu Phương	19/03/2002	D16TC01	Tài chính ngân hàng	425
971	1116100070	Nguyễn Thị Chúc	27/06/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	590
972	1116100109	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/09/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	570



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
973	1116100112	Lê Thị Anh	01/03/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	600
974	1116100119	Lê Thị Vân Anh	18/04/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	855
975	1116100123	Hà Thị Vân Anh	27/06/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	620
976	1116100106	Nguyễn Thị Hải Yến	15/01/2002	D16TC03	Tài chính ngân hàng	745

Danh sách này có 976 sinh viên. 

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

